TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST Ngày: 24-5-2022 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Hoàng và bà Trần Thúy Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Điểu Thị H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số nhà 19, Ấp Đức Thắng, xã Túc Trưng, huyện Đ, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp Phú Thọ, xã Phú Cường, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-6-2021, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Điểu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Túc Trưng, huyện Đ, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 12-11-2010.

Theo chị H cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N hay ghen tuông và có lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị. Chị H và anh N không còn chung sống với nhau từ tháng 4-2021 đến nay. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con: Theo chị H, chị và anh N có 02 (Hai) người con là Nguyễn Triệu Yến Linh, sinh ngày 11-10-2011; Nguyễn Thế Nhân, sinh ngày 03-11-2013. Từ khi vợ chồng không còn sống chung, các con do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Theo chị H, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị H, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị H đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh N, kết quả xác minh như sau:

Chị Hòa và anh N phát sinh mâu thuẫn trong đời sống chung từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N ghe tuông vô cớ, có hành vi xô xát, chửi bới chị H. Mâu thuẫn được các thành viên trong gia đình và hàng xóm láng giềng nhiều lần khuyên ngăn, hòa giải nhưng không thành. Đến giữa năm 2019 thì chị H và anh N sống ly thân (Các bút lục số 26, 27a, 28).

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Điểu Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về con: Đề nghị giao các con Nguyễn Triệu Yến Linh, sinh ngày 11-10-2011; Nguyễn Thế Nhân, sinh ngày 03-11-2013 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị Điểu Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Điểu Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn N, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh N có nơi cư trú tại: Ấp Phú Thọ, xã Phú Cường, huyện Đ, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh N, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N xác lập ngày 12-11-2010 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Túc Trưng, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12-11-2010. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị H và anh N đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa anh N và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn anh N, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh N không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị H.

[7] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh N có 02 (Hai) người con là Nguyễn Triệu Yến Linh, sinh ngày 11-10-2011; Nguyễn Thế Nhân, sinh ngày 03-11-2013. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, các con sống cùng chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu của

nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của các con, mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị H, về việc được tiếp tục nuôi dưỡng các con theo quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị H không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điểu Thị H, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Điểu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con: Giao các con Nguyễn Triệu Yến Linh, sinh ngày 11-10-2011; Nguyễn Thế Nhân, sinh ngày 03-11-2013 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Điểu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003294 ngày 27-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Túc Trưng, huyện Đ (GCNKH số 105/2010 ngày 12-11-2010) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường